

TOÁN 4 – ÔN LUYỆN TỔNG HỢP SỐ TỰ NHIÊN

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Chữ số thuộc hàng chục nghìn của số 111 656 607 là chữ số nào?

- A. 5 B. 1 C. 0 D. 6

Câu 2. Chọn cách viết đúng của số mười triệu.

- A. 1 000 000 B. 100 000 000 C. 20 000 000 D. 10 000 000

Câu 3. Từ các chữ số sau: 2; 1; 9; 0; 0, hãy lập số lớn nhất có 5 chữ số.

- A. 91 200 B. 10 029 C. 09 210 D. 92 100

Câu 4. Số 'chín trăm mười triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm' được viết là:

- A. 910 139 975 B. 110 139 975 C. 91 039 975 D. 91 139 975

Câu 5. Số 663 998 được viết thành tổng nào dưới đây?

- A. $6 + 6 + 3 + 9 + 9 + 8$
 B. $600\ 000 + 6000 + 3000 + 900 + 90 + 8$
 C. $600\ 000 + 60\ 000 + 3000 + 900 + 90 + 8$
 D. $600\ 000 + 60\ 000 + 3000 + 900 + 90$

Câu 6. Tìm chữ số thích hợp để điền vào dấu ? trong bất đẳng thức: $42? 275 < 424 275$.

- A. 6 B. 2 C. 0 D. 4

Câu 7. Số được biểu diễn trong bảng dưới đây là số nào?

837	898	915	
Lớp triệu	Lớp nghìn	Lớp đơn vị	

- A. 837 898 915 B. 2650 C. 837 988 915 D. 837 915

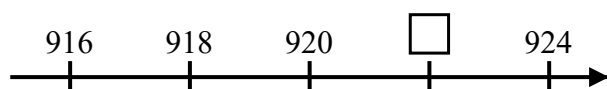
Câu 8. Cho dữ liệu về số trang sách của 4 quyển truyện như sau: Hai vạn dặm dưới đáy biển: 378 trang, Dế Mèn phiêu lưu ký: 419 trang, Gulliver du ký: 374 trang, Không gia đình: 335 trang. Hãy sắp xếp các quyển truyện theo thứ tự số trang tăng dần.

- A. Không gia đình -> Gulliver du ký -> Hai vạn dặm dưới đáy biển -> Dế Mèn phiêu lưu ký
 B. Gulliver du ký -> Không gia đình -> Hai vạn dặm dưới đáy biển -> Dế Mèn phiêu lưu ký
 C. Dế Mèn phiêu lưu ký -> Hai vạn dặm dưới đáy biển -> Gulliver du ký -> Không gia đình
 D. Dế Mèn phiêu lưu ký -> Gulliver du ký -> Hai vạn dặm dưới đáy biển -> Không gia đình

Câu 9. Số liền sau của số 23 125 là:

- A. 23 125 B. 23 124 C. 23 127 D. 23 126

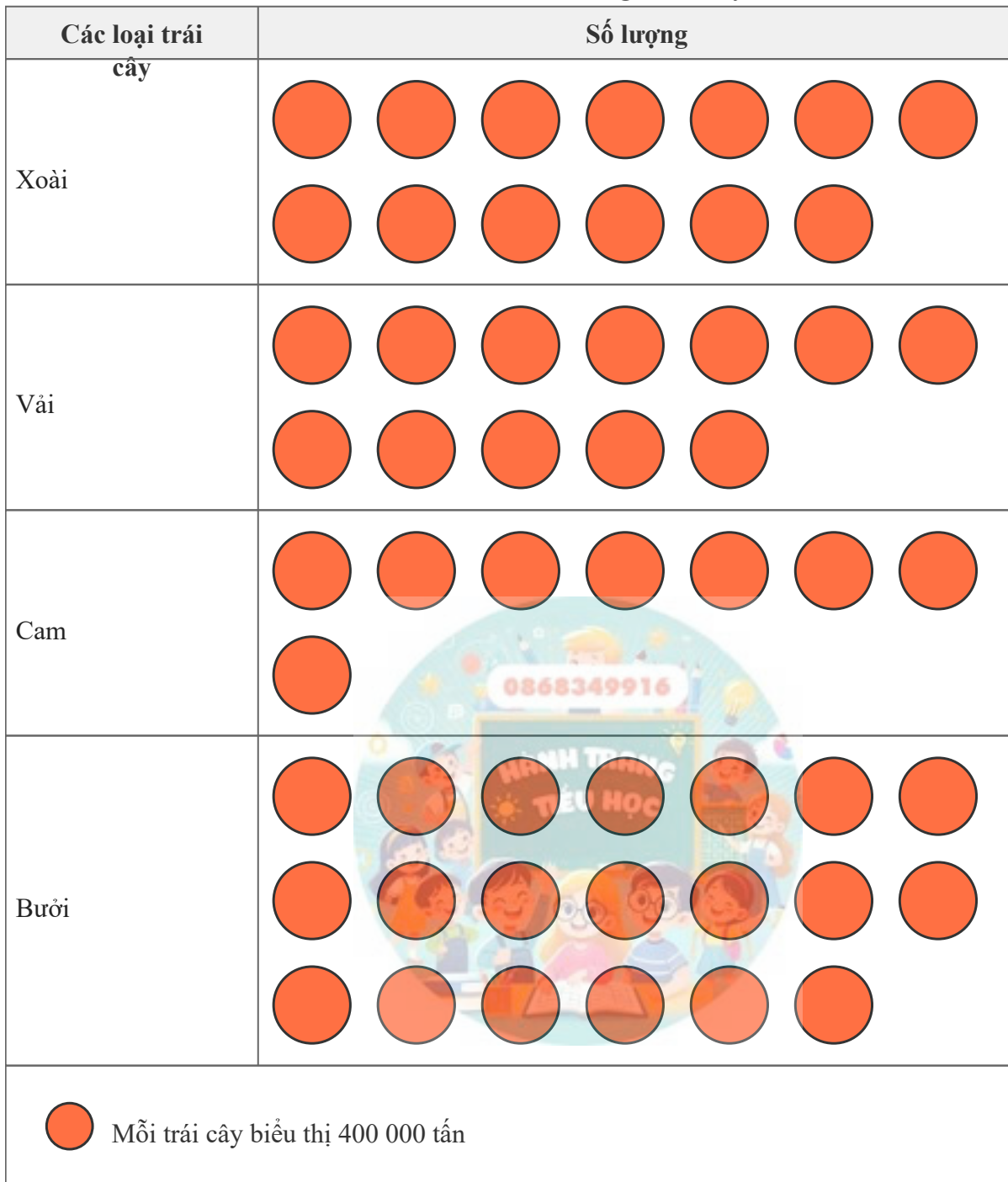
Câu 10. Số thích hợp điền vào ô trống trong tia số sau là:



- A. 922 B. 923 C. 916 D. 928

Câu 11. Dựa vào biểu đồ, hãy sắp xếp tên các loại trái cây theo số lượng từ nhiều nhất đến ít nhất.

Biểu đồ biểu thị sản lượng trái cây



- A. Cam - Vải - Xoài - Bưởi
C. Bưởi - Vải - Xoài - Cam

- B. Bưởi - Xoài - Cam - Vải
D. Bưởi - Xoài - Vải - Cam

Câu 12. Trong số 779 297 922, chữ số 9 thuộc hàng nào?

- A. Hàng chục nghìn B. Lớp nghìn C. Hàng triệu D. Hàng trăm nghìn

Câu 13. Làm tròn số 614 675 đến hàng trăm nghìn ta được số:

- A. 600 000 B. 700 000 C. 1 000 000 D. 610 000

Câu 14. Số được biểu diễn trong bảng dưới đây là số nào?

485	460	700
Lớp triệu	Lớp nghìn	Lớp đơn vị

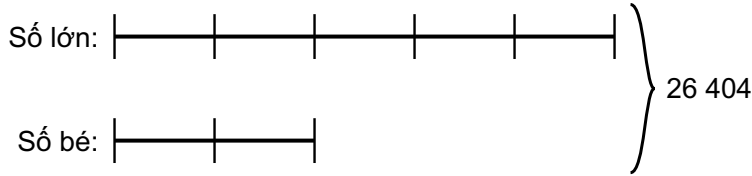
- A. 485 700 B. 485 460 700 C. 485 604 700 D. 1645

Câu 15. Từ các thẻ số dưới đây, hãy lập số bé nhất có thể.



- A. 107 529 B. 975 210 C. 102 579 D. 012 579

Câu 16. Dựa vào sơ đồ tóm tắt dưới đây, hãy tìm số bé.



- A. 7544 B. 7 C. 18 860 D. 3772

Phần II. Tự luận

Bài 1. Một khu rừng nọ có 7 324 870 cây gỗ sưa và 8 146 193 cây thông. Trong số chỉ số lượng cây gỗ sưa, chữ số ở hàng triệu thuộc lớp nào?

Bài 2. Số lượt xem một video trên mạng trong các giờ đầu tiên sau khi đăng tải là: 111 132; 104 047; 262 687; 101 610; 521 786; 896 604; 16 649; 743 496; 951 775.

- a) Giá trị lớn nhất trong dãy số liệu trên là
- b) Giá trị nhỏ nhất trong dãy số liệu trên là
- c) Giá trị của giờ thứ sáu trong dãy thì so với số 903 940. (Điền: lớn hơn / nhỏ hơn)
- d) Giá trị 104 047 xuất hiện lần trong dãy.

Bài 3. Một xưởng sản xuất mỗi ngày làm được 293 củ củ cà rốt. Người ta đóng gói số củ cà rốt đó vào các túi, mỗi túi có 13 củ. Hỏi sau 11 ngày làm việc, xưởng đó đóng gói được bao nhiêu túi củ cà rốt và còn thừa mấy củ củ cà rốt?

Bài giải

.....

Bài 4. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

- a) 56 382; 143; 269 522; 6 574 802 :
- b) 803; 85 533; 1 150 797; 74; 910 661 :
- c) 48; 9 445 546; 420 636; 77 257; 4222 :
- d) 38; 499; 2 510 708; 1; 220 603 :

Bài 5. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

- a) 46 265; 51 494; 50 942; 46 331; 52 260.....
-
- b) 689; 728; 720; 701; 718.....
- c) 9474; 8901; 8847; 9013; 9294.....
- d) 515 777; 476 287; 534 465; 541 402; 475 868.....
-

Bài 6. Viết các số sau:

- a) Một triệu:
- b) Bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi:
- c) Tám trăm nghìn hai trăm ba mươi tư:
- d) Năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi chín:
- e) Một trăm năm mươi nghìn bảy trăm sáu mươi:

- f) Ba trăm năm mươi tư nghìn tám trăm năm mươi:
- g) Tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm tám mươi tư:
- h) Năm trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bốn mươi ba:

Bài 7. Từ các chữ số 4, 0, 1, 8, 9, 2, hãy:

- a) Lập số lớn nhất có sáu chữ số:
- b) Lập số nhỏ nhất có sáu chữ số:
- c) Lập số chẵn lớn nhất có sáu chữ số:
- d) Lập số lẻ nhỏ nhất có sáu chữ số:

Bài 8. Một công ty đặt kế hoạch năm nay sản xuất 6 002 643 chiếc xe máy. Sáu tháng đầu năm, công ty đã sản xuất được 5 438 201 chiếc. Hỏi theo kế hoạch, công ty còn phải sản xuất bao nhiêu chiếc xe máy nữa? ...
..... chiếc xe máy

Bài 9. Một thống kê cho biết lượt truy cập vào một trang web trong bốn tháng cuối năm lần lượt là: 96 122 526; 76 309 983; 1 446 066; 63 455 786 (lượt). Hãy sắp xếp các số liệu trên theo thứ tự giảm dần. Viết câu trả lời của bạn vào ô trống, các số được ngăn cách bởi dấu chấm phẩy và một khoảng trắng (ví dụ: 123; 45; 6): ...
.....

Bài 10. Từ bốn thẻ số 7, 4, 8, 0, hãy viết:

- a) Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau.
- b) Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau.
- c) Số chẵn lớn nhất có bốn chữ số khác nhau.
- d) Số lẻ bé nhất có bốn chữ số khác nhau.

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 11. Viết số được tạo thành từ:

- a) $200000 + 6 + 7000 + 400 + 40000 + 20 = \dots\dots\dots$
- b) $8000 + 30 + 8 + 50000 + 400 + 100000 = \dots\dots\dots$
- c) $400 + 60 + 100000 + 20000 + 5000 = \dots\dots\dots$
- d) $10000 + 9 + 700 + 500000 + 70 = \dots\dots\dots$

Bài 12. Đọc các số sau:

- a) 9207:
- b) 37 014:
- c) 5801:
- d) 40 406:

Bài 13. Cho số 755 342. Hãy cho biết:

- a) Chữ số hàng chục nghìn là
- b) Chữ số 7 thuộc lớp
- c) Giá trị của chữ số hàng trăm là
- d) Số 755 342 là số

Bài 14. Viết các số sau:

- a) Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi mốt:
- b) Bốn trăm mười một nghìn hai trăm bảy mươi hai:
- c) Ba trăm mười lăm nghìn trăm bốn mươi lăm:
- d) Một triệu:
- e) Một trăm chín mươi tám nghìn một trăm mười sáu:
- f) Một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi mốt:
- g) Chín trăm hai mươi tám nghìn trăm ba mươi bảy:
- h) Ba trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu:

Bài 15. Hoàn thành các yêu cầu sau:

- a) Số lớn nhất trong các số: 98 907; 91 494; 14 213; 57 805; 18 423 là
- b) Số bé nhất trong các số: 11 580; 21 586; 91 907 là
- c) Số bé nhất trong các số: 87 983; 45 448; 64 068 là
- d) Số lớn nhất trong các số: 32 108; 95 363; 55 091; 56 115 là

Bài 16. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

Sông Amazon ở Nam Mỹ là một trong những con sông dài nhất thế giới. Tổng chiều dài của sông Amazon là khoảng 6992 kilômét. Lưu vực của nó có diện tích khoảng 7 050 000 kilômét vuông, và lưu lượng nước trung bình là 209 000 mét khối mỗi giây.

- a) Viết số chỉ diện tích lưu vực của sông Amazon.
- b) Viết số chỉ tổng chiều dài của sông Amazon.
- c) Đọc số chỉ tổng chiều dài của sông Amazon.
- d) Đọc số chỉ lưu lượng nước trung bình của sông Amazon.

Bài 17. Cho các số sau: 86 577; 93 074; 24 921; 75 055.

- a) Các số chẵn trong dãy là: Các số lẻ trong dãy là:
- b) Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn:
- c) Làm tròn số bé nhất trong dãy đến hàng chục ta được số
- d) Làm tròn số lớn nhất trong dãy đến hàng nghìn ta được số

Bài 18. Số dân của 3 xã trong một huyện được ghi lại như sau:

Xã	Số liệu (người)
xã C	48 007
xã D	68 081
xã B	70 238

Dựa vào số liệu trên, trả lời câu hỏi:
Xã nào có số dân đông nhất là:

Bài 19. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi:

Tỉnh	Sản lượng lúa (tấn)
Sóc Trăng	652 992 534
Kiên Giang	416 179 530
Nam Định	859 819 320

- a) Tỉnh nào có sản lượng lúa cao nhất?
- b) Tỉnh nào có sản lượng lúa thấp nhất?

Bài 20. Các khẳng định sau đúng hay sai? (Điền Đ nếu đúng, S nếu sai)

- a) Số 7 897 734 làm tròn đến hàng trăm nghìn được 7 900 000. ...
- b) Số 6 897 294 làm tròn đến hàng trăm nghìn được 6 900 000. ...
- c) Số 9 120 293 làm tròn đến hàng trăm nghìn được 9 000 000. ...
- d) Số 6 206 716 làm tròn đến hàng trăm nghìn được 6 210 000. ...

Bài 21. Cho các số sau, hãy xác định hàng của chữ số được chỉ định.

- a) Trong số 387 138 264, chữ số 7 thuộc hàng
- b) Trong số 351 626 244, chữ số 5 thuộc hàng
- c) Trong số 872 183 090, chữ số 1 thuộc hàng
- d) Trong số 687 161 486, chữ số 8 thuộc hàng

---HẾT---